TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2022
V/v: "Tranh chấp đất lấn chiếm; buộc tháo dỡ, di dời vật kiến trúc trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay

Ông Nguyễn Viết Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp đất lấn chiếm, buộc tháo dỡ, di dời vật kiến trúc trên đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang H – sinh năm: 1976 và bà Trình Thị N – sinh năm: 1979;

Cùng đ/c: Thôn T, xã Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang H: Là bà Trình Thị N – sinh năm: 1979 (Bà N là vợ của ông H)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Lê Trọng C – sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị L – sinh năm: 1970

Cùng đ/c: Thôn 4, xã Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Trọng C: Là ông Lê Trọng T – sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt ông H, bà N và bà L; vắng mặt ông C và ông T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Quang H và bà Trình Thị N trình bày:*

Vào tháng 10 năm 2010 vợ chồng ông H bà N có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông C bà L 01 lô đất tại thôn 6 (Nay là thôn 4), xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích đất chuyển nhượng là 125m2, có chiều ngang mặt đường rộng 5m, chiều dài là 25m. Hai bên đã đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 06/5/2011 vợ chồng ông H bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 118106 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp. Diện tích đất trên ông C bà L chuyển nhượng, trên phần đất có 01 bức tường xây bằng gạch có trát vữa, rộng 20cm, dài 5m, cao 2m. Bức tường này nằm sang phần đất đã chuyển nhượng là 70cm. Khi sang nhượng ông C bà L đã hứa sau khi chuyển nhượng cho ông H bà N xong xuôi thì ông C bà L sẽ tự tháo dỡ bức tường trên. Sau khi thanh toán tiền đầy đủ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C bà L trả lại đất hiện trạng cho ông bà, nhưng ông C bà L không thực hiện việc đã cam kết là tháo dỡ bức tường trên. Nay nguyên đơn ông H bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông C bà L phải tháo dỡ bức tường trên để trả lại đất cho ông bà.

Ngày 22/02/2022 đồng nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu phát sinh có nội dung như sau: Ngày 21/10/2021, vợ chồng ông bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông C bà L dỡ bỏ bức tường phía trước trả lại phần đất đã bán cho ông bà, ngày 16/02/2022 Tòa án Sầm Sơn đã tiến hành hòa giải, trong phần hòa giải vợ chồng ông bà có khai phần bức tường phía sau bếp, đây là phần phát sinh ngoài đơn khởi kiện, sau buổi hòa giải không thành vợ chồng ông bà đã bàn bạc và thống nhất đề nghị xin Tòa án rút lại phần yêu cầu về bức tường bếp phía sau của lô đất tranh chấp, nếu sau này vợ chồng ông C bà L không tháo dỡ bức tường bếp này thì ông bà sẽ khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Bà N là em con cô con cậu với bà L, năm 2010 gia đình bà L đã bán cho vợ chồng ông H bà N 01 lô đất nằm cùng thửa với đất của gia đình bà đang ở có chiều ngang mặt đường là 5m, chiều sâu tính từ mép đường nhựa vào sâu trong là 25m, tổng là 125m2, trong đó 25m2 đất ở và 100m2 đất vườn với giá là 80.000.000đ

(Tám mươi triệu đồng). Vì tin tưởng vợ chồng bà N là em trong nhà nên vợ chồng bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vợ chồng bà N tự đi làm thủ tục sang tên, vợ chồng bà không đến bất cứ cơ quan nào để làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông H bà N và vợ chồng bà cũng không ký vào bất kỳ giấy tờ gì cho bà N ông H đi làm thủ tục nhưng trong hồ sơ đó vợ chồng bà có viết giấy tay bán đất, nay vợ chồng bà công nhận đã bán diện tích đất trên cho vợ chồng bà N ông H nhưng chỉ bán diện tích đất ở là 25m2 còn lại 100m2 đất vườn, trong quá trình vợ chồng bà N ông H làm thủ tục sang tên đã tự ý làm tăng phần diện tích đất ở từ 25m2 lên 60m2. Bà L thừa nhận bức tường dài khoảng 9m nằm ở đầu phía Bắc của thửa đất đã bán cho ông H bà N là do vợ chồng bà xây dựng năm 2004, tuy bức tường nằm trong phần đất nhà ông H bà N nhưng vẫn do vợ chồng bà quản lý. Nay vợ chồng ông H bà N yêu cầu gia đình bà tháo dỡ bức tường trên thì quan điểm của bà L là công nhận bức tường nằm bên phần đất nhà ông H bà N, bà cùng chồng có trách nhiệm phá dỡ bức tường để trả lại đất còn thiếu cho ông H bà N nhưng với điều kiện gia đình ông H bà N phải trả lại 35m2 đất ở, trường hợp không trả đất ở cho vợ chồng bà thì phải trả bằng giá trị 35m2 đất ở theo giá thị trường.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Trọng C là ông Lê Trọng T trình bày:* Ông T thống nhất với ý kiến trình bày của bà L. Ngoài ra ông T thừa nhận bức tường dài 9m nằm bên phần đất đã bán cho ông H bà N, bức tường này là do bố mẹ ông là ông C bà L xây dựng nên thuộc sở hữu của bố mẹ ông, ông T không có đóng góp gì. Nay vợ chồng ông H bà N xảy ra tranh chấp với bố mẹ ông thì quan điểm của ông là đề nghị vợ chồng ông H bà N trả lại phần diện tích đất ở là 35m2 cho bố mẹ ông, quy ra tiền theo giá thị trường hiện nay, thì ông sẽ vận động bố mẹ phá dỡ bức tường đang năm trên đất của ông H bà N.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Tòa án nhân dân thành phố S tiến hành tổ chức việc đo đạc cụ thể phần hiện trạng đất và tài sản trên đất. Theo đó phần diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn có diện tích 2,1m2 ở đầu phía bắc thửa đất của ông H bà N, trên phần diện tích đất tranh chấp có 01 bờ tường gạch dài 8,95m; cao 2,8m; rộng 20cm. Diện tích đất tranh chấp là hình tam giác (Ký hiệu: M1T1T2) có giáp ranh như sau: Cạnh phía Đông (Ký hiệu: T1M1) dài 0,7m giáp với đường 4B; cạnh phía Bắc (Ký hiệu: M1T2) dài 6,0m giáp đất nhà ông C bà L; cạnh phía Nam (Ký hiệu: T1T2) dài 6,0m là bức tường gạch giáp phần đất của ông H bà N.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164; Điều 166; Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 12; Điều 166; Điều 203 luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang H bà Trình Thị N.

Buộc ông Lê Trọng C bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ phải tháo dỡ bức tường gạch dài 6m xây trên phần đất lấn chiếm của ông H bà N (Phần bức tường trên tổng chiều dài 8,95m; cao 2,8m; rộng 20cm) nằm ở đầu phía bắc thửa đất tranh chấp hiện tại do bị đơn đang quản lý để trả lại phần đất lấn chiếm hình tam giác có diện tích 2,1m2 tại thửa 443-1, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa cho nguyên đơn ông Nguyễn Quang H bà Trình Thị N, đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE118106, ngày cấp 06/5/2011.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là " Tranh chấp đất lấn chiếm; buộc tháo dỡ, di dời vật kiến trúc trên đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp và đồng bị đơn ông Lê Trọng C bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn ông Lê Trọng C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Trọng T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham

gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông C và ông T.

Đối với ông Lê Trọng T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông T nên Hội đồng xét xử quyết định không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông T chỉ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Trọng C.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được thì thấy rằng:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Vào năm 2010 vợ chồng ông H bà N có nhận chuyển nhượng 01 lô đất của vợ chồng ông C bà L. Diện tích đất chuyển nhượng là 125m2, chiều ngang dài 5m, chiều sâu dài 25m. Quá trình thu thập chứng cứ xác định trên phần đất chuyển nhượng có 01 bức tường dài 6,0m (Phần bức tường trên có tổng chiều dài 8,95m; cao 2,8m; rộng 20cm) do ông C bà L đang quản lý nên phần diện tích đất của ông H bà N còn thiếu do bức tường lấn sang là hình tam giác (Ký hiệu : M1T1T2) có diện tích là 2,1m2 và đây được xác định là diện tích đất tranh chấp.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ bức tường và trả lại đất lấn chiếm, HĐXX thấy rằng:

Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H bà N: Quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H bà N không ai có tranh chấp và ông bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 118106, ngày cấp 06/5/2011. Sau khi vợ chồng ông H bà N được cấp giấy chứng nhận thì không có ai khiếu kiện hay khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận là không đúng nên việc cấp giấy chứng nhận trên đương nhiên là hợp pháp. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn cũng thừa nhận bức tường dài 6m trong tổng chiều dài 8,95m; cao 2,8m; rộng 20cm nằm ở đầu phía bắc thửa đất tranh chấp hiện tại do đồng bị đơn đang quản lý là nằm trên phần đất của ông H bà N.

Về diện tích đất chuyển nhượng cũng như vị trí giáp ranh của thửa đất thì các bên đương sự đều thừa nhận hiện trạng sử dụng đất là đúng và cũng đúng như vị trí, diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông H bà N. Tuy nhiên theo đồng bị đơn ông C bà L cho rằng trong tổng diện tích 125m2 đã bán thì ông bà chỉ bán 25m2 đất ở còn lại 100m2 là đất vườn nhưng

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cấp cho ông H bà N diện tích đất ở là 60m2, còn lại là 65m2 đất vườn là không đúng.

Từ những phân tích trên thì thấy việc nguyên đơn ông H bà N khởi kiện buộc bị đơn ông C bà L phải tháo dỡ bức tường gạch nằm trên phần đất đã chuyển nhượng để trả lại diện tích lấn chiếm cho ông bà là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với lời nại của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà L và ông T cho rằng trong tổng diện tích đất chuyển nhượng cho ông H bà N là 125m2 thì vợ chồng bà L ông C chỉ chuyển nhượng 25m2 đất ở còn lại 100m2 là đất vườn nhưng ông H bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có 60m2 đất ở, còn lại 65m2 là đất vườn là không đúng như thỏa thuận của ông bà khi chuyển nhượng. Với đề nghị này thì ông C bà L và người đại diện theo ủy quyền của ông C đã được Tòa án giải thích, hướng dẫn làm thủ tục nộp đơn yêu cầu phản tố và giao nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nhưng các đương sự trên không làm thủ tục nộp đơn yều cầu phản tố và cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh, nên chỉ xem đây là ý kiến của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Việc nại này ông C bà L không xuất trình được chứng cứ chứng minh, bên cạnh không có căn cứ chứng minh thì Hội đồng xét xử còn thấy lời nại trên của ông C bà L là không có cơ sở bởi vì nếu như ông C bà L cho rằng ông bà chỉ bán 25m2 đất ở thì sẽ không đủ diện tích đất ở tối thiểu để tách thửa cho ông H bà N và như vậy thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên sẽ không xảy ra. Do không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời nại trên của đương sự. Nhưng Hội đồng xét xử dành cho ông C bà L được quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với việc bồi thường thiệt hại do công trình bị bị tháo dỡ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng định giá xác định bức tường gạch dài 6,0m trên tổng chiều dài 8,95m, cao 2,8m, rộng 20cm buộc tháo dỡ đã hết khấu hao, giá trị tài sản là 0 đồng. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ, di dời vật kiến trúc trên đất và giao lại diện tích đất lấn chiếm mà không yêu cầu Tòa án xem xét đến giá trị quyền sử dụng đất vì vậy được tính theo mức án phí không có giá ngạch. Đối với chi phí thẩm định và định giá thì nguyên đơn tự nguyện chịu và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét. Do yêu cầu

của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá nghạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164; Điều 166; Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, Điều 12; Điều 166; Điều 203 của luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang H bà Trình Thị N.

Buộc bị đơn ông Lê Trong C bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ bức tường gạch dài 6,0m xây trên phần đất lấn chiếm của ông H bà N (Phần bức tường trên có tổng chiều dài 8,95m; cao 2,8m; rộng 20cm) nằm ở đầu phía bắc thửa đất của ông H bà N, hiện tại do bị đơn đang quản lý để trả lại phần đất lấn chiếm hình tam giác có diện tích 2,1m2 tại thửa 443-1, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ ở thôn 4, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa cho nguyên đơn ông Nguyễn Quang H bà Trình Thị N, đã được Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE118106, ngày cấp 06/5/2011. Diện tích đất giao lại là hình tam giác (Ký hiệu: M1T1T2) có giáp ranh như sau: Cạnh phía Đông (Ký hiệu: T1M1) dài 0,7m giáp với đường 4B; cạnh phía Bắc (Ký hiệu: M1T2) dài 6,0m giáp đất nhà ông C bà L; cạnh phía Nam (Ký hiệu: T1T2) dài 6,0m là bức tường gạch nằm trên thửa đất của ông H bà N. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

2. Về án phí: Bị đơn ông Lê Trọng C bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai số AA/2021/0013121 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng